

PHỤ LỤC 01: BÁO CÁO KẾT QUẢ CỤ THỂ VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỐ 02

STT	Tên địa phương, đơn vị	Số kế hoạch/Quyết định	Ngày ban hành	Đơn vị ban hành	Nhiệm vụ của kế hoạch	Người/đơn vị phụ trách thực hiện	Người/đơn vị phối hợp thực hiện	Thời hạn hoàn thành (đối với nhiệm vụ có thời hạn, nếu là nhiệm vụ thường xuyên ghi Thường xuyên)	Tiến độ thực hiện (hoàn thành, đang tiến hành, chậm tiến độ...)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	UBND đặc khu Cát Hải	52/KH-UBND	5/9/2025	UBND đặc khu	Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn Đặc khu Cát Hải 6 tháng cuối năm 2025	Phòng văn hoá xã hội	Văn phòng HĐND và UBND; Trung tâm phục vụ hành chính công; Phòng kinh tế; Công an đặc khu		Đang thực hiện	
2	UBND đặc khu Cát Hải	1037/QĐ-BCĐ	06/8/2025	UBND đặc khu	Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo của UBND đặc khu Cát Hải về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Đề án 06/CP và cải cách hành chính đặc khu Cát Hải	Phòng văn hoá xã hội	Văn phòng HĐND và UBND; Trung tâm phục vụ hành chính công	Hoàn thành ngày 06/8/2025	Đã hoàn thành	

PHỤ LỤC 02. TỔNG HỢP CÁC KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT TƯƠNG ỨNG

STT	Địa phương, đơn vị	Lĩnh vực (Pháp lý/ Hạ tầng công nghệ/ Nguồn nhân lực/ Về thực hiện thủ tục hành chính)	Cấp	Khó khăn vướng mắc	Nguyên nhân	Đề xuất, kiến nghị	Thẩm quyền giải quyết	Tiến độ khắc phục đến hiện tại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	UBND đặc khu Cát Hải	Thủ tục hành chính	xã	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. (mã 1.013967)	Chưa nộp được hồ sơ trực tuyến trên hệ thống DVCQG	Đề nghị các sở ngành liên quan kiểm tra cập nhật đầy đủ các thông tin trên hệ thống.			
2	UBND đặc khu Cát Hải	Thủ tục hành chính	xã	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất. (mã 1.012753)	Mẫu đơn, tờ khai chưa được cập nhật theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP	Đề nghị các sở ngành liên quan kiểm tra cập nhật mẫu đơn tờ khai theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP.	Cổng Dịch vụ công quốc gia	<i>Chưa khắc phục</i>	
3	UBND đặc khu Cát Hải	Thủ tục hành chính	xã	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (Mã 1.013978)	Thời gian công khai nguồn gốc đất và thời gian xác định nghĩa vụ tài chính chưa được tính vào tổng thời gian giải quyết TTHC trên hệ thống	Đề nghị bổ sung vào tổng thời gian giải quyết TTHC			

PHỤ LỤC 03. KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Cấp (Tỉnh/ Xã)	Mã TTHC	QĐ Công bố	Mã DVC	Tên DVC	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Hình thức		
										Toàn trình	Từng phần	Trực tiếp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	LĨNH VỰC KINH TẾ											
1	Xã	2.000635.000. 00.00.H24	QĐ số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	Hộ tịch	Sở Tư pháp	UBND cấp xã	Xã	x		
2	Xã	1.013978.H24	QĐ số 2872/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND thành phố	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; Văn phòng đăng ký đất đai; Chủ tịch UBND xã; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; Văn phòng đăng ký đất đai; Chủ tịch UBND xã	Xã	x		
3	Xã	2.000815.000. 00.00.H24	QĐ số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố	2.000815	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	Sở Tư pháp	UBND xã, phường, thị trấn.; Cơ quan đại diện có thẩm quyền; Tổ chức hành nghề công chứng; UBND xã, phường, thị trấn.; Cơ quan đại diện có thẩm quyền; Tổ chức hành nghề công chứng	Xã		x	
4	Xã	1.000689.000. 00.00.H24	QĐ số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	Sở Tư pháp	UBND cấp xã	Xã		x	
5	Xã	1.001193.000. 00.00.H24	QĐ số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch	Sở Tư pháp	UBND cấp xã	Xã	x		
6	Xã	2.000528.000. 00.00.H24	QĐ số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Sở Tư pháp	UBND cấp xã	Xã		x	
7	Xã	1.013825.000.00.0 H24	Quyết định 3266/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND thành phố	1,013,825	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	Đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp xã	Xã	x		
8	Xã	1.013229.H24	QĐ số 2873/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND thành phố	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	Hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng	UBND cấp xã	Xã	x		
9	Xã	2.000181.000. 00.00.H24	QĐ số 3326/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 của UBND thành phố	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	Sở Công thương	UBND cấp xã	Xã	x		

STT	Cấp (Tỉnh/ Xã)	Mã TTHC	QĐ Công bố	Mã DVC	Tên DVC	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Hình thức		
										Toàn trình	Từng phần	Trực tiếp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
10	Xã	1.004859.000. 00.00.H24	QĐ số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	Hộ tịch	Sở Tư pháp	UBND cấp xã	Xã	x		
11	Xã	2.000575.000. 00.00.H24	QĐ số 2884/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND thành phố	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	Sở Tài chính	UBND cấp xã	Xã	x		
12	Xã	1.004746.000. 00.00.H24	QĐ số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	Sở Tư pháp	UBND cấp xã	Xã		x	
13	Xã	1.001612.000. 00.00.H24	QĐ số 2884/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND thành phố	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	Sở Tài chính	UBND cấp xã	Xã	x		
14	Xã	1.004746.000. 00.00.H24	QĐ số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	Sở Tư pháp	UBND cấp xã	Xã		x	
15	Xã	1.001266.000. 00.00.H24	QĐ số 2884/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND thành phố	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	Sở Tài chính	UBND cấp xã	Xã	x		
16	Xã	1.000894.000. 00.00.H24	QĐ số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	Hộ tịch	Sở Tư pháp	UBND cấp xã	Xã		x	
17	Xã	1.013978.H24	QĐ số 2872/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND thành phố	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; Văn phòng đăng ký đất đai; Chủ tịch UBND xã; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; Văn phòng đăng ký đất đai; Chủ tịch UBND xã		x		
18	Xã	2.000884.000. 00.00.H24	QĐ số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực	Sở Tư pháp	Tổ chức hành nghề công chứng; UBND cấp xã; Cơ quan đại diện có thẩm quyền; Tổ chức hành nghề công chứng; UBND cấp xã; Cơ quan đại diện có thẩm quyềnChứng thực	Xã			x

STT	Cấp (Tỉnh/ Xã)	Mã TTHC	QĐ Công bố	Mã DVC	Tên DVC	Lĩnh vực	Cơ quan công bố	Cơ quan thực hiện	Cấp thực hiện	Hình thức		
										Toàn trình	Từng phần	Trực tiếp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
19	Xã	1.012796.000. 00.00.H24	QĐ số 2872/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND thành phố	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đất cấp lần đầu có sai sót	Đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Văn phòng đăng ký đất đai; Chủ tịch UBND xã; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; Văn phòng đăng ký đất đai; Chủ tịch UBND xã; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Xã		x	
20	Xã	1.000656.000. 00.00.H24	QĐ số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch	Sở Tư pháp	UBND cấp xã	Xã	x		
21	Xã	1.004873.000. 00.00.H24	QĐ số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	Sở Tư pháp	UBND cấp xã	Xã	x		
22	Xã	2.00072.000. 00.00.H24	QĐ số 2884/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của UBND thành phố	2.00072	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	Sở Tài chính	UBND cấp xã	Xã	x		
II	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI											
23	Xã	1.001731.000. 00.00.H24	QĐ số 2874/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND thành phố	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội	Sở Y tế	UBND cấp xã	Xã	x		
24	Xã	1.010824.000. 00.00.H24	QĐ số 2870/QĐ-UBND ngày 16/7/2025	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi tử trần	Người có công	Sở Nội vụ	UBND cấp xã	Xã	x		
25	Xã	1.001776.000. 00.00.H24	QĐ số 2874/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND thành phố	1.001776	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Bảo trợ xã hội	Sở Y tế	UBND cấp xã	Xã	x		
26	Xã	1.010816.000. 00.00.H24		1,010,816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	Sở nội vụ	UBND cấp xã	Xã	x		
27	Xã	1.014027.H24	QĐ số 2874/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND thành phố	1.014027	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội	Sở Y tế	UBND cấp xã	Xã	x		
28	Xã	1.013750.000. 00.00.H24		1,013,750	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	Người có công	Sở nội vụ	UBND cấp xã	Xã	x		
29	Xã	1.001022.000. 00.00.H24	QĐ số 2893/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND thành phố	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	Sở Tư pháp	UBND cấp xã, phường, thị trấn	Xã		x	
30	Xã	1.001699.000. 00.00.H24	QĐ số 2874/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND thành phố	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	Sở Y tế	UBND cấp xã	Xã		x	
31	Xã	1.010803.000. 00.00.H24		1,010,803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Người có công	Sở nội vụ	UBND cấp xã	Xã	x		
32	Xã	2.002481.000. 00.00.H24	QĐ số 2851/QĐ-UBND ngày 14/7/2025	2.002481	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	Giáo dục Trung học	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp xã	Xã	x		

PHỤ LỤC 04. SỐ LƯỢNG THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên Địa bàn	Tổng số hồ sơ tiếp nhận giải quyết trong kỳ	Tổng số hồ sơ xử lý đúng hạn	Tổng số hồ sơ chậm được tiếp nhận	Tổng số hồ sơ giải quyết quá hạn (đã hoàn thành việc xử lý)	Tổng số hồ sơ giải quyết quá hạn đang xử lý (đối với hồ sơ tiếp nhận trong kỳ báo cáo)	Tổng số hồ sơ giải quyết quá hạn đang xử lý (Tính lũy kế đến kỳ báo cáo)
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>
1	Đặc khu Cát Hải	1.335	1.277	0	0	0	0